|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI**  **ĐỀ ĐỀ NGHỊ**  *(Đề thi này có 4 trang, 40 câu)* | **KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021**  **Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI**  **Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ** | |
|  | *Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề* | |
|  |  | |
| **Họ và tên:**………………………………………………………………..... | | **Mã đề thi 301** |
| **SBD:** ……………………………. | |

**Câu 41.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khai thác bôxit có ở tỉnh nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Cao Bằng. **B.** Lào Cai. **C.** Hà Giang. **D.** Lai Châu.

**Câu 42.** Căn cứ Át lát Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết cây cà phê được trồng nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **B.** Bắc Trung Bộ.

**C.** Đông Nam Bộ. **D.** Tây Nguyên.

**Câu 43.** Dạng địa hình chiếm diện tích lớn nhất trên lãnh thổ nước ta là**:**

**A.** Núi cao**. B.** Núi trung bình**. C.** Đồi núi thấp**. D.** Đồng bằng**.**

**Câu 44.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cây cao su được trồng nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây của Tây Nguyên?

**A.** Đắc Lắk. **B.** Kon Tum. **C.** Lâm Đồng. **D.** Gia Lai.

**Câu 45.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khai thác than nâu có ở tỉnh nào sau đây?

**A.** Cao Bằng. **B.** Lai Châu. **C.** Hà Giang. **D.** Lạng Sơn.

**Câu 46.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia nào thuộc tỉnh Nghệ An?

**A.** Pù Mát. **B.** Bạch Mã. **C.** Vũ Quang. **D.** Yok Đôn.

**Câu 47.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện Trị An được xây dựng trên sông nào sau đây?

**A.** Ba. **B.** La Ngà. **C.** Đồng Nai. **D.** Xê Xan.

**Câu 48.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết tỉnh/thành phố nào sau đây của Đồng bằng sông Hồng xuất siêu?

**A.** Thái Bình. **B.** Hải Phòng. **C.** Hải Dương. **D.** Hà Nội.

**Câu 49.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết rừng ngập mặn có nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 50.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Ninh Thuận. **B.** Bình Thuận. **C.** Phú Yên. **D.** Khánh Hòa.

**Câu 51.** Căn cứ vào Atlát địa lý Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia trên đảo nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

**A.** Phú Quốc. **B.** Cà Mau. **C.** Tràm Chim. **D.** Côn Đảo.

**Câu 52.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch Huế ***không*** có tài nguyên du lịch nào sau đây?

**A.** Di tích lịch sử cách mạng. **B.** Di sản thiên nhiên thế giới.

**C.** Thắng cảnh, du lịch biển. **D.** Di sản văn hóa thế giới.

**Câu 53.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ nào sau đây thuộc lưu vực hệ thống sông Đồng Nai?

**A.** Hồ Trị An. **B.** Hồ Hòa Bình. **C.** Hồ Thác Bà. **D.** Hồ Kẻ Gỗ.

**Câu 54.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết thủy điện A Vương thuộc tỉnh nào của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Bình Định. **B.** Quảng Nam. **C.** Phú Yên. **D.** Quảng Ngãi.

**Câu 55.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết trâu được nuôi nhiều ở vùng nào sau đây?

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **B.** Tây Nguyên.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 56.** Sông Chảy, sông Lô chảy qua vùng núi

**A.** Trường Sơn Bắc**. B.** Đông Bắc**. C.** Tây Bắc**. D.** Trường Sơn Nam.

**Câu 57.** Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu đối với sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ là

**A.** phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm.

**B.** phát triển vùng trọng điểm trồng cây lương thực, thực phẩm.

**C.** hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp.

**D.** vấn đề phát triển ngành nuôi trồng thủy sản.

**Câu 58.** Ngành công nghiệp phát triển mạnh nhất ở đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** vật liệu xây dựng. **B.** sản xuất hàng tiêu dùng.

**C.** cơ khí nông nghiệp. **D.** chế biến lương thực, thực phẩm.

**Câu 59.** Thành phần kinh tế nào sau đây giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta?

**A.** Tư nhân. **B.** Nhà nước. **C.** Tập thể. **D.** Cá thể.

**Câu 60.** Việc khẳng định chủ quyền của nước ta đối với các đảo và quần đảo có ý nghĩa

**A.** là cơ sở để nước ta tiến hành mở cửa, hội nhập, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

**B.** là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo.

**C.** là cơ sở để nước ta giao lưu kinh tế với các nước trong khu vực và trên thế giới.

**D.** là cơ sở để khai thác có hiệu quả các nguồn lợi vùng biển, hải đảo và thềm lục địa.

**Câu 61.** Cơ cấu công nghiệp theo ngành được thể hiện ở

**A.** Tỉ trọng giá trị sản xuất của công nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế.

**B.** Tỉ trọng giá trị sản xuất của từng ngành (nhóm ngành) trong toàn bộ hệ thống các ngành công nghiệp.

**C.** Số lượng các ngành trong toàn bộ hệ thống các ngành công nghiệp.

**D.** Tổng giá trị sản xuất công nghiệp.

**Câu 62.** Các vùng trọng điểm sản xuất lương thực của nước ta hiện nay là

**A.** Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ.

**B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.

**C.** Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

**D.** Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

**Câu 63.** Ở nước ta, rừng được phân chia thành các loại

**A.** Vườn quốc gia, rừng đặc dụng, rừng sản xuất.

**B.** Rừng sản xuất, khu dự trữ tự nhiên, rừng phòng hộ.

**C.** Rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, vườn quốc gia.

**D.** Rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất.

**Câu 64.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết nhóm hàng xuất khẩu nào của nước ta chiếm tỉ trọng cao nhất?

**A.** Thủy sản. **B.** Nông - lâm sản.

**C.** Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp. **D.** Công nghiệp nặng và khoáng sản.

**Câu 65.** Nước ta có Tín phong hoạt động là do vị trí nước ta

**A.** nằm trong vùng nội chí tuyến**.**

**B.** thuộc nửa cầu Bắc**.**

**C.** thuộc châu Á**.**

**D.** nằm ven biển Đông, phía Tây Thái Bình Dương.

**Câu 66.** Vùng nào sau đây có trữ lượng than nâu lớn nhất cả nước?

**A.** Trung du miền núi Bắc Bộ. **B.** Tây Nguyên.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 67.** Ý nghĩa xã hội của việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

**A.** thu hút thêm lao động từ các vùng khác. **B.** chuyển dịch mạnh cơ cấu ngành kinh tế.

**C.** tạo nguyên liệu phát triển công nghiệp. **D.** tạo các sản phẩm xuất khẩu quan trọng.

**Câu 68.** Hoạt động du lịch biển của trung tâm du lịch Vũng Tàu diễn ra quanh năm chủ yếu do

**A.** hoạt động du lịch đa dạng. **B.** khí hậu nóng quanh năm.

**C.** an ninh, chính trị tốt. **D.** nhiều cơ sở lưu trú tốt.

**Câu 69.** Đàn lợn được nuôi nhiều ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu do

**A.** thức ăn từhoa màu lương thực lớn. **B.** công nghiệp chế biến phát triển mạnh mẽ.

**C.** thị trường tiêu thụ tại chỗ rộng lớn. **D.** áp dụng những tiến bộ khoa học kĩ thuật.

**Câu 70.** Thuận lợi chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** có trung tâm công nghiệp, khu công nghiệp.

**B.** thu hút được nhiều dầu tư, có các cảng biển.

**C.** giáp Đông Nam Bộ, có các loại khoáng sản.

**D.** cơ sở hạ tầng phát triển, nhiều nguyên liệu.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 71.** Cho biểu đồ:  **CƠ CẤU DOANH THU DỊCH VỤ LỮ HÀNH PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ**  **CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015**  *(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*  Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây ***đúng*** về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu doanh thu dịch vụ lữ hành phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010 - 2015?  **A.** Kinh tế Nhà nước giảm, kinh tế ngoài Nhà nước tăng.  **B.** Kinh tế ngoài Nhà nước tăng, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm.  **C.** Kinh tế ngoài Nhà nước tăng, kinh tế Nhà nước tăng.  **D.** Kinh tế Nhà nước giảm, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm. |  |

**Câu 72.** Trong cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế, có vai trò ngày càng quan trọng và tỉ trọng tăng nhanh nhất là:

**A.** Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. **B.** Kinh tế tư nhân.

**C.** Kinh tế tập thể. **D.** Kinh tế nhà nước.

**Câu 73.** Lao động trong khu vực kinh tế ngoài Nhà nước có xu hướng tăng về tỉ trọng, đó là do

**A.** Cơ chế thị trường đang phát huy tác dụng tốt.

**B.** Luật đầu tư thông thoáng.

**C.** Nhà nước đầu tư phát triển mạnh vào các vùng nông nghiệp hàng hóa.

**D.** Sự yếu kém trong khu vực kinh tế Nhà nước.

**Câu 74.** Ở vùng Nam Trung Bộ nổi tiếng với nghề nào dưới đây?

**A.** Sản xuất lúa gạo. **B.** Khai thác dầu khí.

**C.** Sản xuất nước mắn, muối. **D.** Đánh bắt thủy hải sản.

**Câu 75.** Sự gia tăng dân số nhanh hiện nay ở nước ta đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc

**A.** khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

**B.** cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân.

**C.** mở rộng thị trường tiêu thụ.

**D.** phát triển ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 76.** Chế mưa theo mùa đã làm cho sông ngòi nước ta có

**A.** nhiều thiên tai (lũ lụt, lũ quét,…).

**B.** tổng lượng phù sa lớn.

**C.** tổng lượng nước lớn.

**D.** chế độ dòng chảy theo mùa.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 77.** Cho biểu đồ về tổng giá trị xuất, nhập khẩu của một số quốc gia giai đoạn 2010 - 2015  **TỔNG GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015**  *(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*  Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tổng giá trị xuất, nhập khẩu của một số quốc gia giai đoạn 2010 - 2015?  **A.** Việt Nam giảm, Ma-lai-xi-a giảm. **B.** Việt Nam tăng, Xin-ga-po tăng.  **C.** Ma-lai-xi-a tăng, Việt Nam tăng. **D.** Xin-ga-po và Ma-lai-xi-a đều giảm. |  |

**Câu 78.** Biểu hiện nào dưới đây thể hiện rõ rệt nhất về sức ép của gia tăng dân số nhanh đến chất lượng cuộc sống?

**A.** cạn kiệt tài nguyên. **B.** làm ô nhiễm môi trường.

**C.** giảm tốc độ phát triển kinh tế. **D.** giảm GDP bình quân đầu người.

**Câu 79.** Dựa vào bảng số liệu dưới đây**:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1901** | **1921** | **1956** | **1960** | **1985** | **1989** | **1999** | **2005** |
| **Dân số** | **13,0** | **15,6** | **27,5** | **30,0** | **60,0** | **64,4** | **76,3** | **83,0** |

Nhận định ***đúng*** nhất là:

**A.** Thời kì 1956 - 1960 có tỉ lệ tăng dân số hằng năm cao nhất.

**B.** Dân số nước ta tăng với tốc độ ngày càng nhanh.

**C.** Thời kì 1960 - 1985 có dân số tăng trung bình hằng năm cao nhất.

**D.** Dân số tăng nhanh nhưng có nhiều biến động, không ổn định.

**Câu 80.** Cho bảng số liệu:

**XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2018**

*(Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Bru-nây** | **Cam-pu-chia** | **Lào** | **Mi-an-ma** |
| Xuất khẩu | 7,0 | 15,1 | 5,3 | 16,7 |
| Nhập khẩu | 5,7 | 15,5 | 6,2 | 19,3 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây xuất siêu vào năm 2018?

**A.** Cam-pu-chia. **B.** Mi-an-ma. **C.** Bru-nây. **D.** Lào.

**------------------ HẾT ------------------**

**(Học sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)**